Shinhan Finance

CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN

NHÂN VIÊN BÁN HÀNG MỚI

PHẦN 2 : SẢN PHẨM VÀ QUY TRÌNH

NỘI DUNG

1. Giới thiệu chung về sản phẩm

2. Sản phẩm vay theo lương

3. Sản phẩm vay theo thu nhập thay thế

Activate Windows
Go to Settings to activate Windows.

NỘI DUNG

1. Giới thiệu chung về sản phẩm

2. Sản phẩm vay theo lương

3. Sản phẩm vay theo thu nhập thay thế

4. Quy trình cho vay và phương thức thanh toán

MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG VỐN VAY

- Để sửa chữa nhà và mua nhà để ở
- Để mua phương tiện đi lại
- Mua đồ dùng, trang thiết bị gia đình
- Chi phí học tập
- Chi phí cho các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch, khám chữa bệnh

ƯU ĐIỂM SẢN PHẨM

ĐỐI TƯỢNG KHÁCH HÀNG

1. Khách hàng đi làm hưởng lương
2. Khách hàng tự doanh (có/không có giấy phép ĐKKD)

1. Lực lượng quốc phòng/ quân đội/ công an
2. Đài truyền hình - báo chí
3. Luật sư/ Tòa án
4. Ngân hàng Nhà nước
5. Nhân viên thu hồi nợ/ thẩm định, nhân viên kinh doanh của Ngân hàng/ Tổ chức tín dụng
6. KH thuộc Black list

Shinhan Finance

KHU VỰC PHỤC VỤ

Miền Bắc

1. Hòa Bình
2. Thái Nguyên
3. Bắc Giang
4. Quảng Ninh
5. Phú Thọ
6. Hà Nội
7. Vĩnh Phúc
8. Bắc Ninh
9. Hưng Yên
10. Hà Nam
11. Hải Dương
12. Hải Phòng
13. Thái Bình
14. Nam Định
15. Ninh Bình
16. Thanh Hóa
17. Nghệ An
18. Hà Tĩnh
19. Yên Bái
20. Tuyên Quang

Miền Trung

1. Thừa Thiên Huế
2. Đà Nẵng
3. Quảng Nam
4. Quảng Ngãi
5. Bình Định
6. Phú Yên
7. Khánh Hòa
8. Đắk Lắk

Miền Nam

1. TPHCM
2. Tây Ninh
3. Bình Dương
4. Đồng Nai
5. Vũng Tàu
6. Long An
7. Vĩnh Long
8. Hậu Giang
9. Cần Thơ
10. Tiền Giang
11. Bến Tre
12. Đồng Tháp
13. An Giang
14. Trà Vinh
15. Kiên Giang
16. Bình Phước
17. Ninh Thuận
18. Bình Thuận
19. Sóc Trăng
20. Cà Mau
21. Bạc Liêu

(Áp dụng tùy khu vực phục vụ được quy định bởi Risk)

Shinhan Finance

CÁC SẢN PHẨM CHÍNH

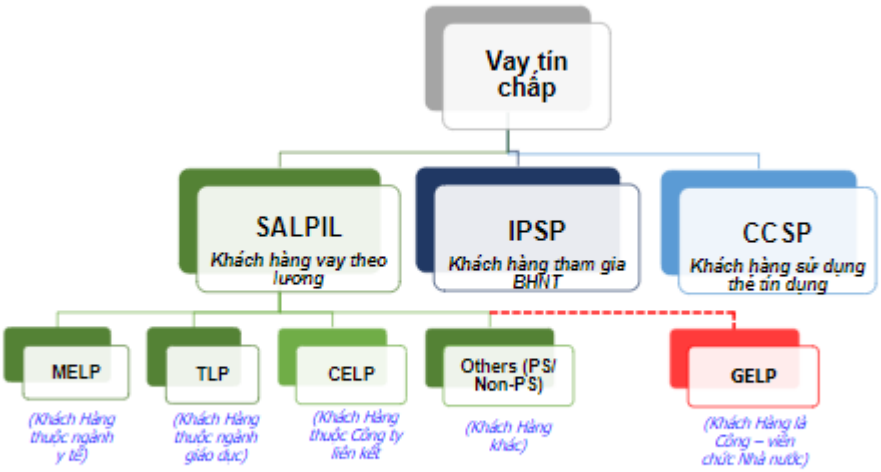

LÃI SUẤT

04 tiêu chí khi xem xét KHOẢN VAY và LÃI SUẤT bao gồm:

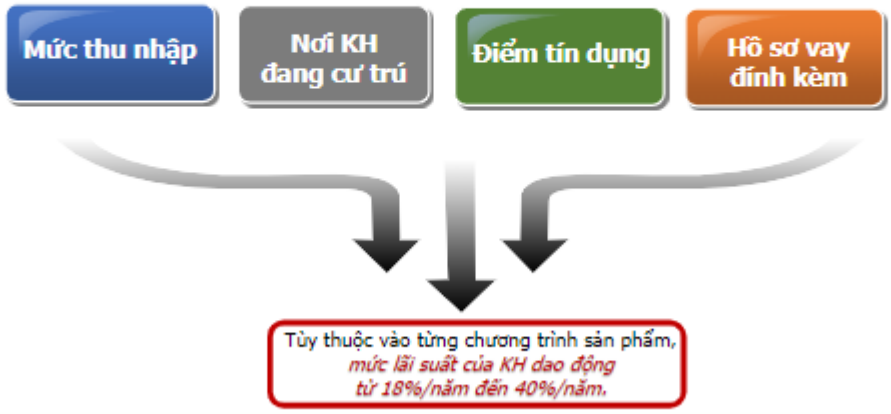

LÃI SUẤT

	Lãi suất trên dư nợ giảm dần 27%				Lãi suất trên dư nợ cố định 15%			
Tháng	Nợ gốc còn lại	Tiền gốc phải trả	Lãi phải trả	Tổng tiền phải trả hàng tháng	Nợ gốc còn lại	Tiền gốc phải trả	Lãi phải trả	Tổng tiền phải trả hàng tháng
1	27,784,400	2,205,600	562,500	2,768,100	27,500,000	2,500,000	375,000	2,875,000
2	25,497,500	2,296,900	583,700	2,880,600	25,000,000	2,500,000	375,000	2,875,000
3	23,209,700	2,287,800	592,800	2,880,600	22,500,000	2,500,000	375,000	2,875,000
4	20,851,300	2,358,400	522,200	2,880,600	20,000,000	2,500,000	375,000	2,875,000
5	18,455,500	2,395,800	484,800	2,880,600	17,500,000	2,500,000	375,000	2,875,000
6	15,990,100	2,465,400	415,200	2,880,600	15,000,000	2,500,000	375,000	2,875,000
7	13,481,300	2,508,800	371,800	2,880,600	12,500,000	2,500,000	375,000	2,875,000
8	10,914,100	2,567,200	313,400	2,880,600	10,000,000	2,500,000	375,000	2,875,000
9	8,279,100	2,635,000	245,600	2,880,600	7,500,000	2,500,000	375,000	2,875,000
10	5,591,000	2,688,100	192,500	2,880,600	5,000,000	2,500,000	375,000	2,875,000
11	2,836,200	2,754,800	125,800	2,880,600	2,500,000	2,500,000	375,000	2,875,000
12	21,500	2,814,700	65,900	2,880,600	-	2,500,000	375,000	2,875,000
Tổng cộng	30,000,000	30,000,000	4,454,700	34,454,700	30,000,000	30,000,000	4,500,000	34,500,000

Ví dụ minh họa lãi suất

Shinhan Finance

LÃI SUẤT - VAY THEO LƯƠNG

Thu nhập (x)	Hà Nội/ HCM/ Đà Nẵng		Khu vực Khác	
	PS/ Top PS	Non PS	PS/ Top PS	Non PS
≤ 8 triệu	40.0%			
8 triệu < x ≤ 10 triệu	37.0%	40.0%	38.5%	40.0%
10 triệu < x ≤ 13 triệu	34.0%	37.5%	35.5%	40.0%
13 triệu < x ≤ 17 triệu	32.5%	35.5%	34.0%	39.5%
17 triệu < x ≤ 22 triệu	29.5%	32.5%	30.5%	37.0%
22 triệu < x ≤ 27 triệu	26.0%	29.5%	27.5%	34.0%
27 triệu < x ≤ 33 triệu	22.0%	25.5%	23.5%	30.0%
x > 33 triệu	18.5%	22.0%	20.0%	26.5%

Ghi chú:

- *Khách hàng nhận lương qua các Ngân Hàng Hàn Quốc tại Việt Nam: giảm thêm 1% so với bảng trên.*
- *Chương trình vay bảo lãnh: giảm thêm 2% so với bảng trên.*
- *Khách hàng không cung cấp được chứng từ chứng minh địa chỉ đang cư trú: cộng thêm 1% so với bảng trên.*
- *Khách hàng nhận lương bằng tiền mặt: cộng thêm 1% so với bảng trên.*

Shinhan Finance

LÃI SUẤT - VAY THEO THU NHẬP THAY THẾ

Vay theo Hợp đồng bảo hiểm và Bảo phí

BHNT	Mức thu nhập	Thu nhập từ Lương	Thu nhập tự doanh			
			Có GPKD		Không Có GPKD	
			HCM/HN/DN/HCM40	Khu vực Khác	HCM/HN/DN/HCM40	Khu vực Khác
Pru Life	Ps, thu nhập ≥ 12 triệu	27.00%	28.00%	29.00%	29.00%	30.00%
	Khác	32.00%	33.00%	34.00%	34.00%	35.00%
None - Pru Life	Ps, thu nhập ≥ 12 triệu	27.50%	28.50%	29.50%	29.50%	30.50%
	Khác	34.50%	35.50%	36.50%	36.50%	37.50%

Ghi chú : *Lãi suất sẽ được áp dụng dựa trên tình trạng tín dụng của khách hàng và sẽ được thông báo mức lãi suất chính xác cho từng khách hàng trước khi ký kết hợp đồng.*

Shinhan Finance

LÃI SUẤT - VAY THEO THU NHẬP THAY THẾ

Vay theo Thẻ tín dụng

Mức thu nhập (x)	Ngân hàng trong nước	Ngân hàng nước ngoài
x ≥ 12 triệu	29.50%	29.50%
6 triệu ≤ x < 12 triệu	31.50%	
5 triệu ≤ x < 6 triệu	33.50%	

Ghi chú : *Lãi suất sẽ được áp dụng dựa trên tình trạng tín dụng của khách hàng và sẽ được thông báo mức lãi suất chính xác cho từng khách hàng trước khi ký kết hợp đồng.*

Shinhan Finance

HẠN MỨC KHOẢN VAY

VAY THEO LƯƠNG		
	PS	NON PS
Thu nhập	≥ 7 triệu	
• HCM/CENTRAL* • BÌNH DƯƠNG • ĐỒNG NAI	8 – 10 lần *(max ≤ 300 triệu)*	
Thu nhập	≥ 8 triệu	≥ 9 triệu
• Các khu vực còn lại	10 lần *(max ≤ 300 triệu)*	8 lần *(max ≤ 300 triệu)*

VAY THEO THU NHẬP THAY THẾ		
Sản phẩm	Thu nhập	MUE (Khoản vay tối đa)
IPSP	< 6M	6
	≥ 6M	9
CCSP	Tất cả thu nhập	9

** Central bao gồm các tỉnh Đà Nẵng, Bình Định, Thừa Thiên-Huế, Khánh Hòa ,Quảng Nam, Quảng Ngãi*

KHOẢN VAY VÀ THỜI HẠN VAY

Đối tượng Khách hàng	Khách hàng hưởng lương (SALPIL: MELP/TLP/PS/NON-PS)	Hợp đồng bảo hiểm (IPSP)	Thẻ tín dụng (CCSP)
Khoản vay (Min – Max)	10 - 300 triệu	10 - 300 triệu	30 - 300 triệu
Thời hạn vay	12, 24, 30, 36, 42, 48 tháng		

Khoản vay và Thời hạn vay có thể thay đổi tùy thuộc vào từng chương trình sản phẩm & các điều kiện của từng khách hàng cụ thể!

CÁC CHỈ SỐ CẦN LƯU Ý

1. **CIC:** KH chưa từng có lịch sử trả nợ xấu hay dư nợ cần chú ý theo ghi nhận từ CIC hoặc từ kênh thông tin nội bộ.

2. **DBR:** là tỷ lệ % các khoản nợ phải trả kể cả khoản phải trả cho Tài Chính Shinhan so với thu nhập gộp hàng tháng.

- **DBR** = $\frac{\text{Tổng số nợ trong tháng (Bao gồm khoản nợ của SVFC)}}{\text{GMI}}$ ≤ 40 - 50%

Loại hình công ty	Mức thu nhập	DBR
PS/ Top PS	≥ 8 triệu	≤ 50%
Non PS	≥ 12 triệu	
Khác		≤ 40%

XÁC ĐỊNH KHOẢN VAY

Để quyết định khả năng chi trả (chấp thuận hay từ chối) đồng thời quyết định khoản vay cho khách hàng, công ty sử dụng những điều kiện và tỷ suất tài chính sau:

TIÊU CHÍ CHẤP NHẬN RỦI RO (RAC)

Kinh doanh tài chính, cho vay luôn liên quan đến Rủi ro

- Rủi ro về gian lận
- Không thanh toán khoản vay
- Tỷ lệ nợ trễ hạn cao và lỗ tín dụng

Là do chưa thực hiện đúng các tiêu chí đánh giá rủi ro hoặc không đánh giá kỹ khách hàng.

Tiêu chí chấp nhận rủi ro (RAC)

Mục đích: Xét điều kiện vay, đánh giá và duyệt khoản vay của khách hàng

*RAC: Risk Acceptance Criteria

TIÊU CHÍ CHẤP NHẬN RỦI RO (RAC)

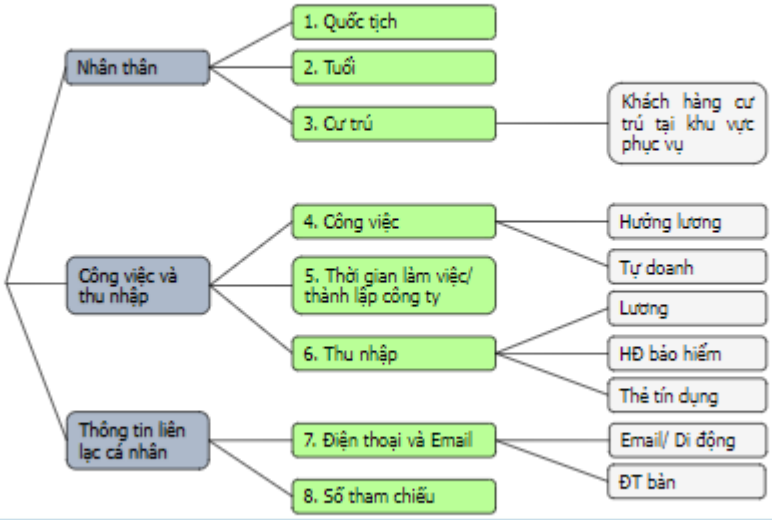

NỘI DUNG

1. Giới thiệu chung về sản phẩm
2. Sản phẩm vay theo lương
3. Sản phẩm vay theo thu nhập thay thế
4. Quy trình cho vay và phương thức thanh toán

TIÊU CHÍ CHẤP NHẬN RỦI RO (RAC)

1. Quốc tịch

Khách hàng có quốc tịch Việt Nam, đang sống và làm việc trên lãnh thổ Việt Nam

2. Tuổi vay

Khách hàng		Khách hàng hưởng lương
Độ tuổi	**Nam**	21 – 58 tuổi
	Nữ	21 – 55 tuổi

Lưu ý: Tuổi tối đa của Khách hàng và Người bảo lãnh là tuổi tính tại thời điểm đáo hạn khoản vay hoặc tuổi về hưu, lấy thời điểm nào đến trước.

3. Thông tin cư trú

- **Nơi cư trú:** Khách hàng và Người bảo lãnh đang sinh sống và làm việc tại khu vực công ty phục vụ.
- **Thời gian cư trú:** Không yêu cầu.

TIÊU CHÍ CHẤP NHẬN RỦI RO (RAC)

4. Công ty *

LOẠI HÌNH	THỜI GIAN THÀNH LẬP	VỐN ĐIỀU LỆ
- Công ty thuộc danh sách PS	Không cần xét	
- Công ty TNHH - Doanh nghiệp tư nhân	≥ 1 năm	≥ 5 tỷ VNĐ
	≥ 2 năm	Không xác định
- Các công ty khác	≥ 6 tháng	≥ 9 tỷ VNĐ
	≥ 1 năm	Không xác định

** Không áp dụng:*

- Người bảo lãnh

TIÊU CHÍ CHẤP NHẬN RỦI RO (RAC)

5. Thời gian công tác: Không yêu cầu

Lưu ý:

Đối tượng	Thời gian công tác
NVKD Có hợp đồng thời hạn dưới 2 năm, hợp đồng dịch vụ và làm việc theo ca. • Lương cố định • Lương không cố định	 ≥ 12 tháng ≥ 24 tháng
Nhân viên bảo vệ	≥ 24 tháng

TIÊU CHÍ CHẤP NHẬN RỦI RO (RAC)

6. Thu nhập

KH ở Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương và Central*	≥ 7 Triệu
KH ở các tỉnh thành còn lại	≥ 8 Triệu
Nhân viên kinh doanh lương cố định	≥ 8 Triệu
Nhân viên kinh doanh lương không cố định	≥ 10 Triệu
Nhân viên bảo vệ	≥ 8 Triệu
Khoản vay có người bảo lãnh	- KH đi làm hưởng lương: 4 – 9 triệu - Người bảo lãnh đi làm hưởng lương: ≥ 4 triệu * Thu nhập độc lập với nhau

** Central bao gồm các tỉnh Đà Nẵng, Bình Định, Thừa Thiên-Huế, Khánh Hòa ,Quảng Nam, Quảng Ngãi*

CÁCH TÍNH THU NHẬP KHÁCH HÀNG

Các loại thu nhập được tính vào thu nhập hàng tháng của khách hàng:

- Chỉ có thu nhập xuất hiện ít nhất 2 lần trong 2 tháng gần nhất, của các chứng từ chứng minh thu nhập.
- Thu nhập xuất hiện hàng tháng: bao gồm tiền ngoài giờ, phụ cấp, các khoản khác... và thu nhập xuất hiện 2 tháng theo chu kỳ.

1. NẾU LƯƠNG CHUYỂN KHOẢN:

Đây là thu nhập thực lãnh do đó phải quy về thu nhập trước thuế để tính toán:

Sử dụng công cụ tính thu nhập GROSS

2. NẾU LƯƠNG NHẬN TIỀN MẶT

Thu nhập thể hiện trên bảng lương hoặc giấy xác nhận lương là thu nhập trước thuế.

CÁCH TÍNH THU NHẬP KHÁCH HÀNG

OK	Select Product:	1. PL	1	No. of dependent	Civil Servant		
				1	No		
1	PL all:	1. Bank statement	Month 1	Month 2	Average Gross		
	a	B/S. Income	19,000,000	15,000,000			
		--> Gross B/S	21,365,611	16,759,777	17,911,235		
	b	Allowances			-		
		PL,GELP, CELP			17,911,235		
		Average. TPL			-		
		Average. MELP			-		
	MELP						
	IPSP					Location	Residence
						--> Act.Inc - OK	
						Other.2	2. Rental
	CCSP						
			Input Other income	Gross income:	(not apply TPL)	GMI	
				17,911,235	-	17,911,235	OK
						Use Actual Inc	
						2. No	

TIÊU CHÍ CHẤP NHẬN RỦI RO (RAC)

7. Thông tin liên lạc

Khách hàng phải có thông tin số điện thoại liên lạc như sau:

- Điện thoại bàn nơi làm việc.
- Điện thoại di động của KH.

8. Người liên hệ

Thông tin về người liên hệ rất quan trọng đối với bộ phận Kinh doanh và bộ phận Thu hồi nợ nên cần đảm bảo thông tin là chính xác.

Yêu cầu xin thông tin 3 người liên hệ khác nhau:

- Ít nhất là một người thân, một người bạn, một đồng nghiệp.
- *1 trong 3 người liên hệ có mối quan hệ trực tiếp của KH (Cha/Mẹ/Anh Chị Em ruột/Con cái/Dâu/Rể).*

NHÂN VIÊN NGÀNH Y TẾ

- ❑ KH làm trong ngành Y tế (chuyên viên y dược như Bác sĩ, Y tá, Kỹ thuật viên y khoa, Dược sĩ/ Điều dưỡng, Hộ lý) làm việc tại các bệnh viện/cơ sở y tế thuộc danh sách đã được phê duyệt bởi bộ phận Quản lý tín dụng và rủi ro (Risk).
- ❑ Tổng kinh nghiệm làm việc trong ngành ít nhất 01 năm.
- ❑ Thu nhập = Thu nhập thực tế * Hệ số thâm niên

Bảng hệ số MELP		≥ 1 & < 2năm	≥ 2 & < 4 năm	≥ 4 & < 6 năm	≥ 6 & < 8 năm	≥ 8 & < 10 năm	≥ 10 năm
Bệnh Viện Loại A	Bác sĩ	AI	AI*125%	AI*150%	AI*200%	AI*250%	AI*300%
	Y Tá, Kỹ thuật viên y khoa, dược sỹ, điều dưỡng, hộ lý	AI	AI*120%	AI*140%	AI*160%	AI*180%	AI*200%
Bệnh Viện Loại B	Bác sĩ	AI	AI*120%	AI*130%	AI*150%	AI*200%	AI*200%
	Y Tá, Kỹ thuật viên y khoa, dược sỹ, điều dưỡng, hộ lý	AI	AI*110%	AI*115%	AI*130%	AI*150%	AI*175%

NHÂN VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC

- ❑ KH làm trong ngành Giáo dục.
- ❑ Là giảng viên/giáo viên trực tiếp đứng lớp,
- ❑ Là nhân viên chính thức toàn thời gian ít nhất 1 năm tại nơi làm việc hiện tại
- ▪ Thu nhập = Thu nhập thực tế * Hệ số 150% ~ 200%

LOẠI HÌNH		ÁP DỤNG
PTTH/THCS/Tiểu học	HCM/HN/Da Nang	thuộc trường công lập và có biên chế nhà nước hoặc Hợp đồng đối với giáo viên TOÁN/ VĂN/ ANH.
	HCM40/HN40/SIPs	thuộc trường công lập và có biên chế nhà nước
Trung cấp/CĐ/ĐH		công lập/tư thục
Mẫu giáo		không thuộc chương trình vay này

NHÂN VIÊN THUỘC CÔNG TY LIÊN KẾT

- Nhân viên hưởng lương của những công ty đã ký hợp đồng hợp tác với SVFC
- Thời gian làm việc: tối thiểu 2 tháng (bao gồm thời gian thử việc) đã ký HĐLĐ chính thức và tham gia bảo hiểm
- Các điều kiện khác tương tự PL

Ưu đãi

- **Giảm 2%/năm so với lãi suất thường**
- **Miễn thực địa công ty trong quy trình thẩm định**

CÔNG CHỨC – VIÊN CHỨC

- Khách hàng là Công chức hoặc Viên chức đang làm việc cho các Đơn vị Hành chính Nhà nước

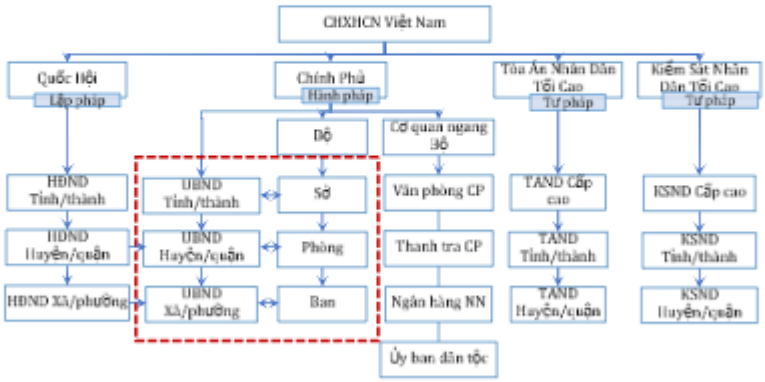

CÔNG CHỨC – VIÊN CHỨC

ÁP DỤNG:

- Công chức hoặc Viên chức làm việc trực tiếp cho UBND các cấp, hoặc Sở/Phòng/Ban giúp việc cho UBND các cấp.
- Công chức hoặc Viên chức làm việc tại các Vụ, Tổng cục, Cục, Chi cục các ngành : Thuế, Hải quan, và Thống Kê.

KHÔNG ÁP DỤNG:

- Công chức hoặc Viên chức làm việc trong các ngành : Công An, Tòa án, Kiểm sát, Quân đội, Ngân hàng nhà nước tại tỉnh/thành, và Kiểm lâm.
- Các cơ quan : Đảng ủy các cấp, Mặt trận tổ quốc; Cơ quan Trung Ương.
- Ngoài các ngành/cơ quan như trên, các ngành, nghề loại trừ khác được quy định tương tự như RAC của sản phẩm PL Salaried.
- PEPs(*) hoặc người thân của PEP's

  (*) PEPs : những người có ảnh hưởng chính trị

CÔNG CHỨC – VIÊN CHỨC

Phân biệt khái niệm CÔNG CHỨC – VIÊN CHỨC :

- **CÔNG CHỨC :** còn được gọi là Nhân viên trong biên chế, được lãnh lương từ nguồn Ngân sách Nhà nước
- **VIÊN CHỨC :** là người được lãnh lương với nguồn từ quỹ của chính cơ quan đó

Lương của Công chức và Viên chức đều được quy định dựa trên ngạch từ A3, A2, A1, A0, B & C (ngạch được định nghĩa theo chức danh công việc) và bậc lương từ 1 đến 12 (bậc lương được định nghĩa theo bằng cấp và số năm kinh nghiệm)

***Tham khảo _ Bảng Lương cơ sở Công chức – Viên chức Áp dụng chương trình GELP* Bang luong co so

VD : Một số chức danh Công chức thuộc ngạch A1

3. Công chức loại A1:

STT	Ngạch công chức
1	Chuyên viên
2	Công chứng viên
3	Kế toán viên

CÔNG CHỨC – VIÊN CHỨC

Tiêu chí **RAC tương tự** như sản phẩm **PL Salaried**

ĐIỂM ĐẶC BIỆT:

1. **Điều kiện TOJ :**
   - Công chức : **MIỄN**
   - Viên chức : TOJ ≥ 1 năm
2. **Thẩm định trực tiếp (FV) tại cơ quan : MIỄN**

CÔNG CHỨC – VIÊN CHỨC

3. **Cách tính thu nhập mô phỏng :**

Loại hợp đồng	Ngạch	Chức danh công việc	Thu nhập mô phỏng
Công chức	A3, A2, A1	Bất kỳ	Thu nhập(*) x 200%
	A0, B	Bất kỳ	Thu nhập(*) x 180%
	C1, C2, C3	Thuế, Hải quan	Thu nhập(*) x 180%
	C1, C2, C3	Bất kỳ ngoài Thuế, Hải quan	Thu nhập(*) x 150%
Viên chức	A3, A2, A1	Bất kỳ	Thu nhập(*) x 150%
	A0, B, C1, C2, C3	Bất kỳ	Thu nhập(*) x 120%

(*) Thu nhập thực tế của khách hàng phải được chứng minh bằng giấy tờ do khách hàng nộp (sao kê ngân hàng)

VD : Khách hàng là Chuyên viên thuộc Ngạch công chức A1, có thu nhập hàng tháng (lương cơ sở + phụ cấp) chuyển khoản qua ngân hàng là 6,500,000 VND

Thu nhập mô phỏng = Thu nhập thực tế x 200%

Đáp án : Thu nhập mô phỏng = 6,500,000 x 200% = **13,000,000**

CÔNG CHỨC – VIÊN CHỨC

4. Hồ sơ yêu cầu :

Thu thập giấy tờ **tương tự** như sản phẩm **PL Salaried**

Lưu ý:

- Giấy tờ chứng minh công việc yêu cầu Khách hàng nộp là
  - Quyết định Bổ nhiệm
  - Hoặc Quyết định nâng bậc lương gần nhất *(trường hợp KH không còn giữ Quyết định bổ nhiệm)*
- TOJ sẽ tính từ ngày áp dụng Quyết định mà Khách hàng nộp

KHOẢN VAY CÓ NGƯỜI BẢO LÃNH

RAC	Khách hàng	Người bảo lãnh
1. Độ tuổi	Nam: 21 – 58 tuổi Nữ: 21 – 55 tuổi	
2. Thu nhập	4 – 9 triệu	≥ 4 triệu *Thu nhập độc lập với người đi vay*
3. Khoản vay	10 – 100 triệu	Không áp dụng

Lưu ý:

- Người bảo lãnh: không có khoản vay với SVFC và không bảo lãnh cho 1 người khác tại thời điểm bảo lãnh cho người đi vay
- Mối quan hệ giữa khách hàng và người bảo lãnh: cha/mẹ/anh/chị/em ruột hoặc vợ/chồng

Ưu Đãi

✓ Giảm tối đa 2% lãi suất so với vay thông thường
✓ Tăng hạn mức vay (MUE)

HỒ SƠ YÊU CẦU

Bắt buộc	RAC	Chứng Từ
	1. Quốc Tịch & Độ Tuổi	1. Bản sao CMND / hoặc CCCD (còn thời hạn sử dụng).
	2. Nơi Cư Trú	2. Giấy tờ chứng minh nơi cư trú
	3. Thu nhập	3. Sao kê lương 3 tháng gần nhất

Ưu Đãi Giảm 1% lãi suất

Khi Khách hàng nộp đủ giấy tờ chứng minh nơi cư trú:

- KT3/ Sổ tạm trú/ Giấy xác nhận tạm trú hoặc hóa đơn điện nước.

Lưu ý:

Khách Hàng	Chứng Từ bắt buộc bổ sung thêm
Khách hàng là: • Nhân viên Kinh Doanh • Bảo vệ	Hợp đồng lao động hoặc giấy xác nhận từ nhân sự (COE).
KH nhận lương tiền mặt	Hợp đồng lao động và bảng lương

HỒ SƠ YÊU CẦU

Đối với **khoản vay từ 100 triệu trở lên**:

RAC	Chứng Từ
1. Quốc Tịch & Độ Tuổi	1. Bản sao CMND / hoặc CCCD (còn thời hạn sử dụng).
2. Nơi Cư Trú	2. Giấy tờ chứng minh nơi cư trú
3. Thu nhập	3. Sao kê lương 3 tháng gần nhất
4. Hồ sơ giải ngân	4. Kế hoạch sử dụng khoản vay hoặc hồ sơ chứng minh mục đích vay 5. Thông tin đối tượng giải ngân gián tiếp (nếu có)

Lưu ý:

Khách hàng sẽ được kiểm tra mục đích sử dụng vốn vay sau khi giải ngân

HỒ SƠ YÊU CẦU

Đối với Khoản vay có Người bảo lãnh **(Loan with Guarantor):**

RAC	Chứng từ	
	Khách hàng	Người bảo lãnh
1. Quốc tịch & Độ tuổi	1. Bản sao CMND/ hoặc CCCD (còn hiệu lực)	1. Bản sao CMND/ hoặc CCCD (còn hiệu lực)
2. Nơi cư trú	2. Giấy tờ chứng minh nơi cư trú	2. Giấy tờ chứng minh nơi cư trú
3. Thu nhập	3. Sao kê lương 3 tháng gần nhất	3. Sao kê lương 3 tháng gần nhất
4. Mối quan hệ với người bảo lãnh	4. Giấy tờ chứng minh mối quan hệ với người bảo lãnh	

QUỐC TỊCH VÀ ĐỘ TUỔI

CHỨNG MINH THƯ (CMND) MẪU CŨ

CHỨNG MINH THƯ (CMND) MẪU MỚI

CƯ TRÚ

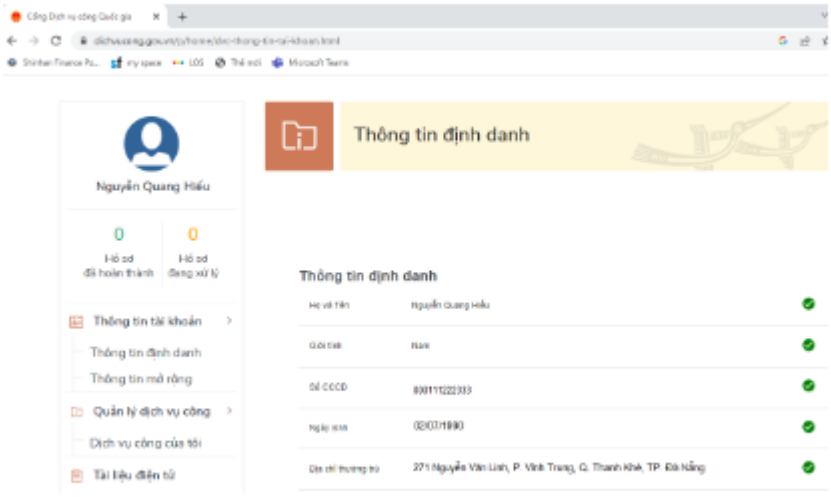

CƯ TRÚ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

XÁC NHẬN THÔNG TIN VỀ CƯ TRÚ

CƯ TRÚ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ĐƠN XÁC NHẬN TẠM TRÚ

CÔNG TY

THẺ BẢO HIỂM Y TẾ

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

THẺ BẢO HIỂM Y TẾ

Số: DN 4 79 50 697 00719

Họ và tên: NGUYỄN CHÍ A

Ngày sinh: 14/09/1992 Giới tính: Nam

Nơi ĐK KCB BĐ: Công ty TNHH BVĐK Hoàn Hảo

Mã: 74 - 024

Thời hạn sử dụng: Từ 01/07/2017 đến 31/12/2017

Thời điểm đủ 05 năm liên tục: từ 01/07/2021

Ngày 22 tháng 6 năm 2017

GIÁM ĐỐC BHXH TP HỒ CHÍ MINH

Cao Văn Sang

THỜI GIAN CÔNG TÁC

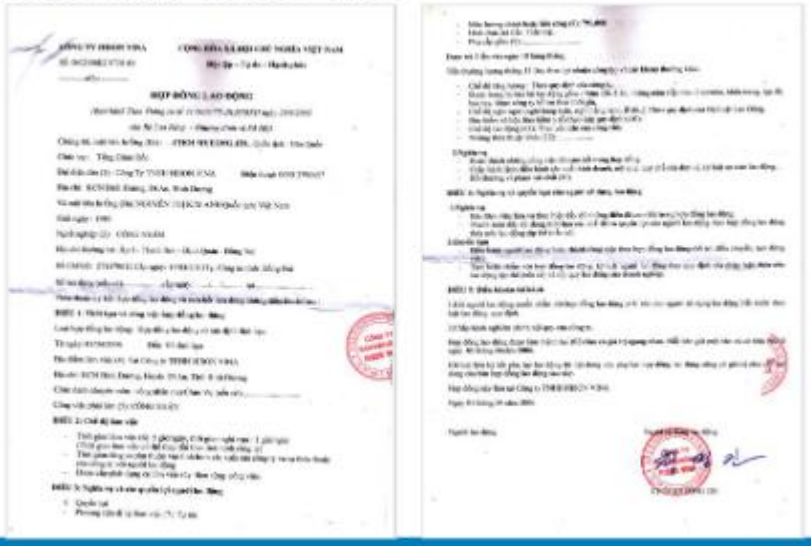

Shinhan Finance

QUYẾT ĐỊNH BỔ NHIỆM

- Loại quyết định: bổ nhiệm/ nâng lương
- Xác định công chức/ viên chức

- Ngạch công/viên chức
- Bậc lương, hệ số

Ngày hiệu lực

Shinhan Finance

QUYẾT ĐỊNH BỔ NHIỆM

Một số giấy tờ không thỏa yêu cầu chương trình dành cho Công – viên chức:

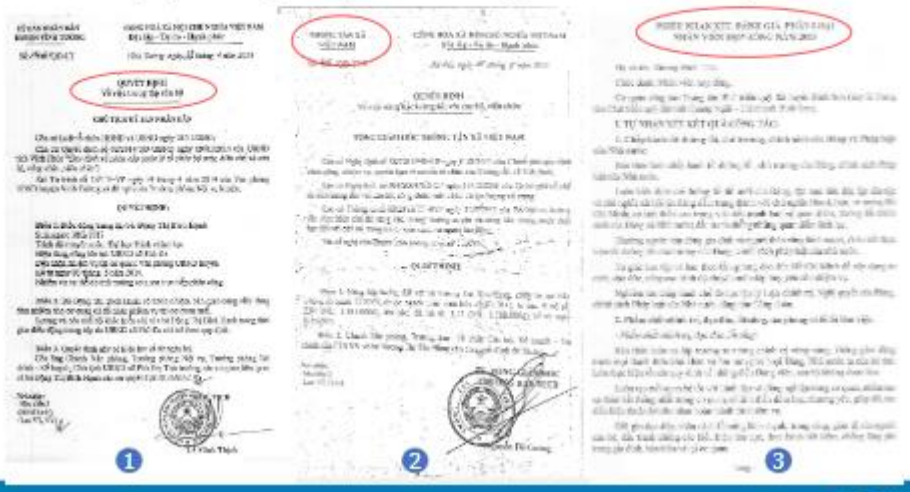

Shinhan Finance

THU NHẬP

Shinhan Finance

THU NHẬP

Mẫu Phiếu lương

Mẫu Xác nhận lương

ĐƠN XÁC NHẬN

Shinhan Finance

THƯ XÁC NHẬN (1)

THƯ XÁC NHẬN

I. KÊ KHAI THÔNG TIN

Tôi tên: .....

Số CMND/CCCD: ..... Cấp ngày: ..... Tại: .....

Địa chỉ: .....

Tài khoản điện tử (Zalo, Viber...): .....

Email: .....

II. CAM KẾT, XÁC NHẬN VÀ ĐỒNG Ý

Tôi (Bên Vay) sau đây cam kết, xác nhận và đồng ý:

1) Ông/ Bà..... – Mã số NVKD: ..... là nhân viên của Shinhan Finance xử lý hồ sơ vay của Tôi.
2) Tất cả những diễn kiến xác minh thông tin, thẩm định và phương thức thông tin, liên lạc của Shinhan Finance.
3) Các tài liệu đính kèm gửi từ tài khoản điện tử hoặc email của tôi là trung thực và chính xác.
4) Sử dụng Khoản Vay đúng mục đích nêu tại Phiếu Đề Nghị Cấp Khoản Vay.

Ngày..... tháng..... năm 20...

(Ký và ghi rõ họ tên)

Dùng cho Khoản vay nhỏ hoặc bằng 100 triệu

Shinhan Finance

THƯ XÁC NHẬN (2)

THƯ XÁC NHẬN KIỂM KÊ HOẠCH SỬ DỤNG KHOẢN VAY &
CAM KẾT BỔ SUNG GIẤY TỜ SAU GIẢI NGÂN

Dùng cho Khoản vay từ 100 triệu trở lên

Shinhan Finance

THƯ XÁC NHẬN (2)

THƯ XÁC NHẬN

Dùng cho Khoản vay có Người Bảo lãnh

Shinhan Finance

GIẤY TỜ CHỨNG MINH MỐI QUAN HỆ

GIẤY KHAI SINH

GIẤY CHỨNG NHẬN KẾT HÔN

Lưu ý:
Mối quan hệ giữa Khách hàng và Người bảo lãnh: Cha mẹ, người hôn phối, anh/chị/em ruột.
Trường hợp Khách hàng đã kết hôn: người bảo lãnh **bắt buộc** phải là vợ/chồng của Khách hàng

NỘI DUNG

1. Giới thiệu chung về sản phẩm
2. Sản phẩm vay theo lương
3. Sản phẩm vay theo thu nhập thay thế
4. Quy trình cho vay và phương thức thanh toán

VAY THEO THU NHẬP THAY THẾ

Cho vay dựa trên HĐ Bảo hiểm nhân thọ và Bảo phí (IPSP)

Cho vay dựa trên hạn mức thẻ tín dụng (CCSP)

TIÊU CHÍ CHẤP NHẬN RỦI RO (RAC)

Công ty Bảo hiểm nhân thọ được chấp nhận

1	Chubb Life	7	Dai-ichi Life	13	AB Ageas Life
2	AIA	8	Fubon Life Bảo Hiểm Nhân Thọ	14	Manulife
3	AVIVA	9	Great Eastern / FWD	15	Phu Hung
4	BIDV MetLife	10	Generali	16	PVI Sun Life / Sun Life Financial
5	Baoviet Life	11	Korea Life Insurance / Hanwha Life	17	Mirae Asset Prévoir
6	Cathay Life	12	Liberty Insurance	18	Prudential
				19	VCLI

TIÊU CHÍ CHẤP NHẬN RỦI RO (RAC)

Nội dung	Tiêu chí
Nhân thân Khách hàng	1. Xét Quốc tịch **2. Tuổi vay của KH**
	3. Xét Nơi cư trú & Thời gian cư trú
	3'. Thời hạn HĐ bảo hiểm và bảo phí
Công việc & Thu nhập	**4. Công ty KH làm việc**
	5. Thời gian làm việc/ thành lập
	6. Thu nhập thay thế
Thông tin Liên Lạc	7. Số điện thoại & Email liên hệ đến KH
	8. Thông tin liên lạc của 03 đối tượng chính (người thân, bạn bè, đồng nghiệp)

TIÊU CHÍ CHẤP NHẬN RỦI RO (RAC)

Khách Hàng		IPSP	CCSP
Khách hàng Hưởng lương	Nam	21 - 58	
	Nữ	21 - 55	
Khách hàng tự doanh	Nam	21 - 65	
	Nữ	21 - 65	

TIÊU CHÍ CHẤP NHẬN RỦI RO (RAC)

3. Tiêu chí về nơi cư trú và Thời gian cư trú

Chấp nhận tất cả loại hình cư trú bao gồm:

- *Cư trú tại địa chỉ trên sổ hộ khẩu.*
- *Cư trú tại địa chỉ trên KT3.*
- *Cư trú tại bất kì loại hình cư trú khác (chấp nhận không có KT3).*

Thời gian cư trú: **KHÔNG YÊU CẦU**

Lưu ý: Yêu cầu thẩm định thực địa nhà trong trường hợp:

*- Địa chỉ cư trú hiện tại: **Tất cả tỉnh thành ngoại trừ Hà Nội và Hồ Chí Minh***

*- Loại hình nghề nghiệp: **khách hàng tự doanh.***

TIÊU CHÍ CHẤP NHẬN RỦI RO (RAC)

3'. Thời hạn hợp đồng bảo hiểm và bảo phí

Thời hạn Hợp đồng bảo hiểm (TOH: Time of Holding policy) ≥ 12 tháng

Phí bảo hiểm hàng năm

Phí bảo hiểm năm >= 2 triệu *(Áp dụng với tất cả các khách hàng)*

5. Thời gian làm việc/ Thời gian thành lập

Khách Hàng	IPSP	CCSP
Công ty Thành Lập (KH Tự Doanh)	Thời gian thành lập ≥ 2 Năm	
	Lưu ý: - Thời gian hoạt động dựa trên Giấy phép đăng ký kinh doanh. - Điều kiện thay đổi tùy theo Giấy phép kinh doanh và Mã số thuế của khách hàng	
Thời gian công tác (Đi làm hưởng lương)	≥1 năm tại công ty hiện tại	Không yêu cầu

THU NHẬP THAY THẾ TỐI ĐA

<table>
<tr><td>Khách hàng</td><td colspan="3">IPSP</td><td colspan="2">CCSP</td></tr>
<tr><td>Công thức tính</td><td colspan="3">GMI = (Thu nhập gộp) $\frac{\text{Phí Bảo Hiểm Năm}}{12}$ x 20</td><td colspan="2">GMI = (Thu nhập gộp) $\frac{\text{Hạn mức Thẻ Tín Dụng}}{3}$</td></tr>
<tr><td>Min</td><td colspan="3">4.000.000 VND</td><td colspan="2">6.000.000 VND</td></tr>
<tr><td rowspan="4">Max</td><td rowspan="2">Loại Hình công việc</td><td colspan="2">Nơi ở hiện tại</td><td>Ngân Hàng Trong Nước</td><td>Ngân Hàng Đa Quốc Gia</td></tr>
<tr><td>HCM/HN</td><td>Khu vực Khác</td><td rowspan="3">6 triệu</td><td rowspan="3">8 triệu</td></tr>
<tr><td>• Hưởng lương
• Tự doanh có GPKD</td><td>20 triệu VND</td><td>15 triệu VND</td></tr>
<tr><td>• Tự doanh không có GPKD</td><td>15 triệu VND</td><td>12 triệu VND</td></tr>
</table>

CHỨNG TỪ CẦN NỘP

RAC	Chứng từ
4. Công ty KH làm việc 5. Thu nhập của KH	1. Đối với KH hưởng lương: Hợp đồng lao động 2. Đối với KH tự doanh: Mẫu Giấy chứng nhận ĐKKD 3. Cung cấp Hợp đồng Bảo hiểm nhân thọ/ Sao kê thẻ tín dụng tháng gần nhất 4. Cung cấp Biên lai/ Hóa đơn đóng phí bảo hiểm của 02 kỳ gần nhất. → Nếu KH hưởng lương muốn vay số tiền cao hơn: sao kê lương 03 tháng gần nhất. → Nếu KH Tự doanh muốn vay số tiền cao hơn: quyết toán thuế của doanh nghiệp có đóng dấu của cơ quan thuế 2 năm gần nhất. 5. Cung cấp Kế hoạch sử dụng khoản vay hoặc hồ sơ chứng minh mục đích vay

KHÁCH HÀNG TỰ DOANH

HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

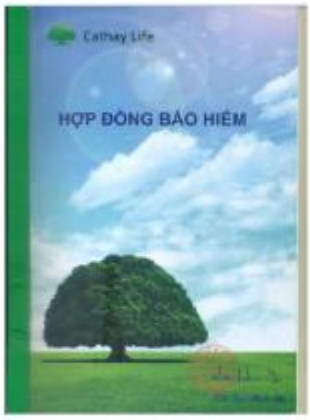

BIÊN LAI ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM

Shinhan Finance

MẪU THẺ TÍN DỤNG

Mẫu thẻ tín dụng

Mẫu thẻ tín dụng – Công ty tài chính

Shinhan Finance

SAO KÊ THẺ TÍN DỤNG

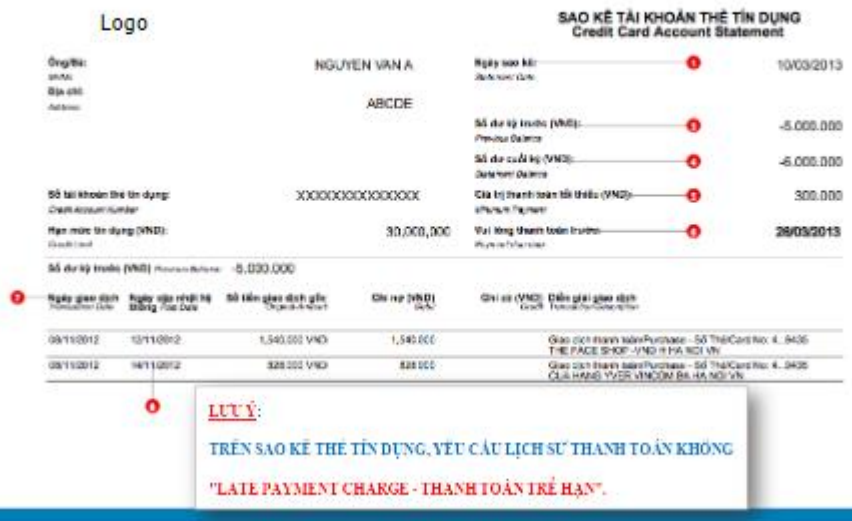

Logo

SAO KÊ TÀI KHOẢN THẺ TÍN DỤNG
Credit Card Account Statement

Ông/Bà:	NGUYEN VAN A	Ngày sao kê:	10/03/2013
Địa chỉ:	ABCDE		
		Số dư kỳ trước (VND):	-5.000.000
		Số dư cuối kỳ (VND):	-5.000.000
Số tài khoản thẻ tín dụng:	XXXXXXXXXXXXXX	Chi trả thanh toán tối thiểu (VND):	300.000
Hạn mức tín dụng (VND):	30,000,000	Vui lòng thanh toán trước:	28/03/2013

Số dư kỳ trước (VND) -5,000,000

Ngày giao dịch	Ngày ghi nhận nợ	Số tiền giao dịch gốc	Ghi nợ (VND)	Ghi có (VND)	Diễn giải giao dịch
09/11/2012	12/11/2012	1,540,000 VND	1,540,000		Giao dịch thanh toánPurchase - Số TheCard No: 4...8435 THE FACE SHOP -VND # HA NOI VN
09/11/2012	14/11/2012	828,000 VND	828,000		Giao dịch thanh toánPurchase - Số TheCard No: 4...8435 CUA HANG YVER VINCOM BA -HA NOI VN

LƯU Ý:

TRÊN SAO KÊ THẺ TÍN DỤNG, YÊU CẦU LỊCH SỬ THANH TOÁN KHÔNG "LATE PAYMENT CHARGE - THANH TOÁN TRỄ HẠN".

NỘI DUNG

1. Giới thiệu chung về sản phẩm
2. Sản phẩm vay theo lương
3. Sản phẩm vay theo thu nhập thay thế
4. Quy trình cho vay và phương thức thanh toán

QUY TRÌNH XỬ LÝ HỒ SƠ

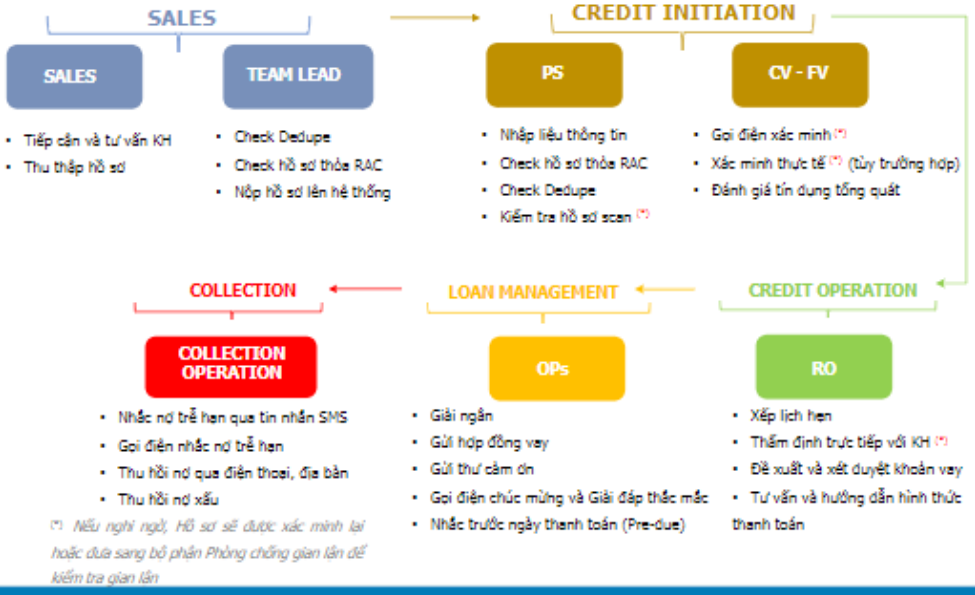

CÁCH THỨC GIẢI NGÂN

- Khách hàng sẽ gặp trực tiếp nhân viên Bộ phận Quan hệ khách hàng của Tài Chính Shinhan và đem đầy đủ bản chính của các chứng từ được yêu cầu như bảng lương, KT3, CMND, v.v... để nhân viên đối chiếu.
- Sau khi được duyệt vay, khách hàng sẽ được giải ngân vào tai khoản bên thụ hưởng theo mục đích vay đã đăng ký :
  - ❑ Chuyển khoản đến tài khoản cá nhân/tổ chức thụ hưởng có giao dịch với khách hàng theo chỉ định của khách hàng, thông tin thu thập:
    - ❖ Đối với cá nhân:
      - ✓ Họ tên
      - ✓ Giới tính
      - ✓ Ngày, tháng, năm sinh
      - ✓ Số CMND/CCCD
    - ❖ Đối với tổ chức:
      - ✓ Tên công ty, Doanh nghiệp, Tổ chức
      - ✓ Mã số thuế

THỜI HẠN THANH TOÁN

Ngày nhận lương của khách hàng	Ngày thanh toán khoản vay hàng tháng
Ngày **02** đến ngày **05**	Ngày thanh toán là ngày **05** **tháng kế tiếp.**
Ngày **06** đến ngày **10**	Ngày thanh toán là ngày **10** **tháng kế tiếp.**
Ngày **11** đến ngày **16**	Ngày thanh toán là ngày **16** **tháng kế tiếp.**
Ngày **17** đến ngày **21**	Do RO trao đổi với khách hàng
Ngày **22** đến ngày **1**	Ngày thanh toán là ngày **1** **tháng kế tiếp.**

CÁCH THỨC THANH TOÁN

1. Thanh toán qua dịch vụ Ủy nhiệm chi tự động (Auto Debit)
2. Thanh toán qua Internet banking
3. Thanh toán qua ATM
4. Call center 247 của Ngân hàng Á Châu
5. Quầy giao dịch: Bưu điện; các ngân hàng: Á Châu, HD Bank, VietinBank, Agribank, BIDV [*phí giao dịch*: theo quy định của từng đơn vị
6. Kênh thanh toán với VNPT EPAY:

- Hệ thống các cửa hàng của Thế giới di động, Bách hóa xanh, Điện máy xanh
- Phí dịch vụ: 10.550đ/ giao dịch thành công

7. Kênh thanh toán qua ứng dụng iShinhan liên kết với ví AirPay (ShopeePay), MoMo, ZaloPay, VNPay
8. Các ứng dụng ví điện tử như: Smartlink, Payoo

PHÍ TẤT TOÁN TRƯỚC HẠN

Thời gian tất toán tính từ ngày giải ngân	Phí trên dư nợ còn lại
≤ 12 tháng	6%
> 12 tháng & ≤ 18 tháng	4%
> 18 tháng & ≤ 24 tháng	3%
> 24 tháng	2%